

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 45

LUẬN VỀ TƯ (Phần 4)

Thế nào là tánh dị sinh? Cho đến nói rộng ra.

Hỏi: Vì sao soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì ngăn chặn tông chỉ của người khác để hiển bày chánh nghĩa. Nghĩa là hoặc có người chấp: Mười tùy miên do kiến khổ mà đoạn thuộc cõi Dục là tánh dị sinh. Như Phái Độc Tử Bộ, họ nói tánh dị sinh là hệ thuộc cõi Dục, là tánh nhiễm ô, là do kiến mà đoạn, là hành uẩn tương ưng thân nhiếp. Hoặc lại có người chấp: Tánh dị sinh không có thật thể. Như phái thí dụ đã chấp, vì ngăn chặn cái chấp ấy để hiển bày tánh dị sinh thật có tự thể. Bởi vì ngăn chặn cái chấp kỳ dị của các Bộ như vậy, biểu hiện rõ ràng về chánh nghĩa cho nên soạn ra phần luận này.

Trong bản luận này nói về tánh của dị sinh, luận Phẩm Loại Túc nói về pháp của dị sinh, như nói: “Thế nào là pháp của dị sinh? Nghĩa là địa ngục bàng sinh - quỷ giới, Bắc Câu-lô-châu và Vô Tướng Thiên, nghiệp ở đó - sinh ở đó, đều gọi là pháp của dị sinh”.

Hỏi: Vì sao trong bản luận này nói về tánh của dị sinh chứ không nói đến pháp của dị sinh, luận phẩm loại Túc nói về pháp của dị sinh chứ không nói đến tánh của dị sinh?

Đáp: Điều là ý của người soạn, luận muốn như vậy. Lại nữa, bởi vì luận này - luận kia đều là có cách nói khác. Lại nữa, bởi vì luận này, luận kia đều nói đến nên loại mà hiển bày lẫn nhau. Lại nữa, tánh của dị sinh mạnh hơn chứ không phải là pháp của dị sinh, trong bản luận này lại dựa vào mạnh hơn mà nói. Luận này đã nói đến tánh của dị sinh, cho nên luận phẩm Loại Túc không nói lại vấn đề đó. Luận này chưa nói đến pháp của dị sinh, cho nên luận phẩm loại Túc nói đến Pháp của dị sinh. Điều này biểu hiện luận kia soạn ra sau luận này. Có người đưa

ra cách nói này: Luận kia đã nói về pháp của dị sinh cho nên luận này không nói lại. Luận kia chưa nói đến tánh của dị sinh, cho nên luận này nói về vấn đề ấy, điều này biểu hiện luận kia soạn ra trước luận này.

Hỏi: Vì sao gọi là Tánh dị sinh?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Có năng lực làm cho hữu tình ấy khởi cách nhìn khác loại-phiền não khác loại, tạo ra nghiệp khác loại, nhận lấy quả khác loại sinh ra khác loại, cho nên gọi là tánh dị sinh. Lại nữa, có năng lực làm cho hữu tình rơi vào cõi khác, hưởng về nẻo khác, nhận lấy sinh thân khác, cho nên gọi là tánh dị sinh. Lại nữa, có năng lực làm cho hữu tình tin theo thầy khác, làm ra tướng khác, tiếp nhận pháp khác, thực hành công hạnh khác, cầu mong quả khác nhau, cho nên gọi là tánh dị sinh”. Đại đức nói rằng: “Có năng lực làm cho hữu tình nương vào cõi-nẻo-sinh-hữu khác chủng loại, phát khởi các loại phiền não, điên đảo, tạo tác tăng trưởng các nghiệp, cảm lấy quả báo của đời sau, luân chuyển trong sinh tử không có phạm vi giới hạn, cho nên gọi là tánh dị sinh”. Các luận sư A Tỳ Đạt Ma nói “Phần của dị sinh, thể của dị sinh, cho nên gọi là tánh dị sinh”. Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “Chủng loại của dị sinh cho nên gọi là tánh dị sinh”. Hiếp tôn giả nói: “Dựa vào dị sinh mà làm ngăn cách tánh Thánh, cho nên gọi là tánh dị sinh”.

Hỏi: Vì sao gọi là pháp dị sinh?

Đáp: Bởi vì các dị sinh thì có pháp này, cho nên gọi là pháp dị sinh, vì như pháp của Vua, pháp của quan giữa thế gian.

Hỏi: Các pháp của dị sinh thì Thánh gia cũng có, vì sao chỉ lập ra tên gọi là pháp của dị sinh?

Đáp: Các pháp của dị sinh thì Thánh giả phần nhiều không có, giả sử có nên ít thì không gọi là pháp Thánh, bởi vì Thánh giả đối với pháp ấy có được mà không thuộc về thân thành tựu, không hiện ra trước mắt, cho nên gọi là pháp dị sinh. Lại nữa, dị sinh thành tựu pháp ấy, có năng lực làm cho pháp ấy thủ quả và dữ quả. Cho nên gọi là pháp dị sinh, Thánh giả tuy thành tựu pháp ấy, mà có năng lực làm cho pháp ấy hưởng về nẻo khác, cho nên gọi là pháp dị sinh; Thánh giả tuy thành tựu pháp ấy, mà không như vậy nên không gọi là pháp Thánh. Lại nữa, tánh dị sinh là hữu lậu, pháp ấy cũng là hữu lậu, cho nên gọi là pháp dị sinh; tánh Thánh là vô lậu, pháp ấy không phải là hữu lậu, cho nên không gọi là pháp Thánh. Lại nữa, dị sinh bị pháp dị sinh làm cho che phủ, làm cho ràng buộc, làm cho mê hoặc, cho nên gọi là pháp dị sinh; Thánh giả thì không như vậy, cho nên không gọi là pháp Thánh. Lại nữa, các loại dị

sinh tùy thuận với pháp ấy, sinh trưởng pháp ấy cho nên gọi là pháp dị sinh; Thánh giả thì không như vậy, cho nên không gọi là pháp Thánh.

Hỏi: Tánh dị sinh và pháp dị sinh có gì sai biệt?

Đáp: Tánh dị sinh chỉ là phi sắc, pháp dị sinh gồm cả sắc, phi sắc. Tánh dị sinh chỉ là vô kiến, pháp dị sinh gồm cả hữu kiến-vô kiến. Tánh dị sinh chỉ là vô đối, pháp dị sinh gồm cả hữu đối-vô đối. Tánh dị sinh chỉ là bất tương ứng, pháp dị sinh gồm cả tương ứng, bất tương ứng. Tánh dị sinh chỉ là có sở y, không có duyên, không có hành tướng, pháp dị sinh đều gồm cả hai loại. Tánh dị sinh chỉ là không ô nhiễm, không có tội, không có dị thực pháp dị sinh đều gồm cả hai loại. Lại nữa, tánh dị sinh chỉ là vô ký, pháp dị sinh gồm cả thiện, bất thiện và vô ký. Tánh dị sinh hệ thuộc gồm cả ba cõi, pháp dị sinh chỉ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc. Tánh dị sinh chỉ do tu mà đoạn, pháp dị sinh gồm cả do kiến tu mà đoạn. Lại nữa, tánh dị sinh là nhân, pháp dị sinh là quả. Như nhân và hành uẩn thâm nhiếp, pháp dị sinh do mười tám giới, mười hai xứ, năm uẩn thâm nhiếp. Lại nữa, tánh dị sinh xả bỏ lúc đạt được khổ pháp trí nhãn, pháp dị sinh xả bỏ những lúc khác. Những môn như vậy, đó gọi là sai biệt giữa tánh và pháp dị sinh

Như Đức Thế Tôn nói: “Tùy tín, tùy pháp hành vượt lên trên địa phàm phù hợp, chưa đạt được quả dự lưu, chắc chắn không mạng chung”

Hỏi: Vì sao gọi là địa dị sinh?

Đáp: Tất cả Thánh giả đều gọi là đồng sinh, dị sinh khác với thánh giả cho nên gọi là dị sinh, dung nạp dị sinh cho nên gọi là địa dị sinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thánh giả khác với dị sinh cho nên phải gọi là dị sinh?

Đáp: Tất cả Thánh giả cùng thông hiểu chân lý, cùng cách nhìn, cùng mong muốn cho nên gọi là đồng sinh; dị sinh thì không như vậy, có thể chán ngán hèn mọn cho nên lập ra tên gọi là dị sinh, không cần phải làm cho khó khăn. Tôn giả thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Có thể khởi cách nhìn khác nhau, phiền não khác loại, có thể tạo ra nghiệp khác nhau, có thể rơi vào cảnh giới khác nhau, hưởng về nẻo khác nhau ... mà thọ sinh, cho nên gọi là địa dị sinh. Lại nữa, có thể tin theo vị thầy khác nhau, nói rộng ra cho đến mong cầu quả báo khác nhau, cho nên gọi là địa dị sinh”. Đại Đức nói rằng: “Khác nhau về Chánh pháp và Tỷ-nại-da, mà thọ sinh cho nên gọi là dị sinh, là nơi các dị sinh trưởng và nương tựa, gọi là địa dị sinh”.

Hỏi: Thế nào là tánh dị sinh?

Đáp: Nếu đối với Thánh Pháp, Thánh Noãn, Thánh Kiến, Thánh Nhãn, Thánh Dục, Thánh Tuệ, những điều không đạt được, đã không đạt được, sẽ không đạt được, đó gọi là tánh dị sinh.

Hỏi: Vì không đạt được khổ pháp trí nhãn là tánh dị sinh, hay vì không đạt được tất cả Pháp Thánh là tánh dị sinh? Giả sử như vậy thì có gì sai? Nếu không đạt được khổ pháp trí nhãn là tánh dị sinh, thì Đạo loại trì đã sinh mà bỏ khổ pháp trí nhãn, lúc bấy giờ khổ pháp trí nhãn không đạt được, phải là tánh dị sinh, vậy thì trú trong tu đạo, vô học đạo, cũng phải gọi là dị sinh? Nếu không đạt được tất cả pháp thánh là tánh dị sinh, thì thuận theo tất cả hữu tình đều gọi là dị sinh, bởi vì không có Thánh giả thành tựu tất cả pháp thánh, nghĩa là cho đến Đức Phật cũng không thành tựu Pháp Thánh của Nhị Thừa, và pháp học của thừa mình, cũng phải gọi là dị sinh?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: không đạt được khổ pháp trí nhãn là tánh dị sinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì Đạo loại trì đã sinh mà xả khổ pháp trí nhãn, lúc bấy giờ khổ pháp trí nhãn không đạt được, phải là tánh dị sinh, vậy thì người trú trong tu đạo, vô học đạo, cũng phải gọi là dị sinh?

Đáp: Lúc khổ pháp trí nhãn sinh ra, làm hại đến sự không đạt được kia, khiến cho đối với sự tương tục của mình vĩnh viễn không còn sinh nữa. Người trú trong tu đạo, vô học đạo, đối với phổ pháp trí nhãn tuy không thành tựu, mà không gọi là không đạt được, cũng không gọi là đạt được. Như lúc nhãn căn sinh ra, làm hại đến sự không đạt được kia, khiến cho đối với sự tương tục của mình vĩnh viễn không còn sinh nữa. Nhân căn diệt rồi tuy không thành tựu, mà không gọi là không đạt được, cũng không gọi là đạt được. Ở đây cũng như vậy, cho nên không có sai lầm trước đây. Lại nữa, Đạo loại trí đã sinh, phổ pháp trí nhãn tuy không thành tựu, mà Thánh tự quá Đăng lưu kia, cho nên không gọi là dị sinh. Lại người nói: Không đạt được tất cả là tánh dị sinh.

Hỏi: Nếu như vậy thì thuận theo tất cả hữu tình đều gọi là dị sinh, bởi vì không có Thánh giả thành tựu tất cả pháp Thánh?

Đáp: Tuy không có Thánh giả thành tựu đầy đủ tất cả pháp Thánh, mà không phải là dị sinh, bởi vì pháp không đạt được kia là Thánh mà đạt được. Nghĩa là nếu Pháp Thánh trong thân không đạt được, không lìa đạt được, là tánh dị sinh. Bởi vì pháp Thánh trong thân thánh giả không đạt được lìa thành mà đạt được cho nên không phải là tánh dị sinh, vì pháp đạt được, không đạt được kia luôn luôn cùng sinh khởi. Lại nữa, pháp không đạt được kia có hai loại:

1. Cộng.
2. Bất cộng.

Bất cộng là tánh dị sinh, cộng thì không phải là tánh, pháp thánh trong thân thánh giả không đạt được, luôn luôn là cộng cho nên không có sai lầm trước đây.

Lại nữa, pháp không đạt được kia có hai loại:

1. Chưa bị hại.
2. Đã bị hại.

Pháp chưa bị hại là tánh dị sinh, pháp đã bị hại không phải là tánh dị sinh, pháp Thánh trong thân thánh giả không đạt được, đều là pháp đã bị hại cho nên không có sai lầm trước đây. Lại nữa, tất cả pháp Thánh không đạt được có hai loại:

1. Dựa vào sự tương tục của dị sinh mà hiện khởi.
2. Dựa vào sự tương tục của sinh giả mà hiện khởi.

Loại trước là tánh Đẳng, loại sau không phải là tánh dị sinh, cho nên không có sai lầm về Thánh giả là dị sinh.

Hỏi: Thánh pháp, Thánh noãn, Thánh kiến, Thánh nhãn, Thánh dục, thánh tuệ có gì sai biệt?

Đáp: Có người đưa ra cách nói này: Sáu câu trong này đều biểu hiện rõ ràng về phổ pháp trí nhãn, nên câu đầu là tổng quát, năm câu sau là tách biệt; nên câu đầu là tóm lược, năm câu sau là mở rộng; nên câu đầu là không phân biệt, năm câu sau là phân biệt. Nghĩa là phổ pháp trí nhãn làm cho chủng tử của uẩn thấy đều tàn lụi cho nên gọi là Thánh noãn, suy xét tìm tòi về Đế lý cho nên gọi là Thánh kiến, chấp nhận được Đế lý cho nên gọi là Thánh Nhãn, yêu thích Đế Lý gọi là Thánh dục, Quyết định chọm lựa Đế lý gọi là Thánh tuệ. Lại nữa, khổ pháp trí nhãn làm cho chủng tử của Hữu thấy đều tàn lụi cho nên gọi là Thánh noãn, suy xét tìm tòi hành chuyển cho nên gọi là Thánh kiến, chấp nhận được hành chuyển cho nên gọi là Thánh nhãn, yêu thích giải thoát cho nên gọi là Thánh dục, hiểu biết rõ ràng Đế lý cho nên gọi là Thánh tuệ.

Có người nói: Khổ pháp trí nhãn thuộc sáu địa, chính là sáu câu đã hiểu bày trong này, có người nói: Khổ pháp trí nhãn thuộc sáu tánh, chính là sáu câu đã hiểu bày trong này có người nói: Sáu câu trong này điều biểu hiện rõ ràng về tất cả Pháp Thánh, đó là nghĩa của các pháp Thánh có tổng quát và tách biệt, nên câu đầu là tổng quát, năm câu sau là tách biệt. Hai trong năm năm câu giải thích như trước, nên biết. Có người nói: Tất cả pháp Thánh của sáu tánh, tức là sáu câu đã hiểu bày

trong này. Có người nói: Pháp học và vô học của ba thừa, tức là sáu câu đã hiện bày trong này. Có sư khác nói: Trong này biểu hiện rõ ràng về hai loại Pháp Thánh chân thật và tương tự. Pháp Thánh tương tự, tức là bốn thuận quyết trạch phần như Noãn... Pháp Thánh chân thật, tức là đạo vô lậu; Thánh noãn nghĩa là pháp Noãn, Thánh kiến nghĩa là Pháp Đẳng, Thánh nhẫn nghĩa là pháp nhẫn phẩm trung Hạ, Thánh dục nghĩa là pháp nhẫn tăng thượng, Thánh tuệ nghĩa là pháp Thế đệ nhất. Nếu chưa tu được bốn pháp như Noãn..., thì nên biết người ấy là dị sinh toàn phần; nếu đạt được Noãn... thì cũng gọi là Thánh giả.

Như Đức Thế Tôn nói: “Nếu có chúng sinh thành tựu căn thiện như Noãn..., thì ta nói chúng sinh ấy gọi là Thánh giả tương tự”. Nhưng mà tánh dị sinh chỉ là Pháp Thánh chân thật không đạt được, không phải là không đạt được, bởi vì còn thừa lại cho nên pháp ấy không cần phải nói là Noãn..., gọi là Noãn...

Hỏi: Tánh Đẳng này nên gọi là thiện, là bất thiện là vô ký?

Đáp: Nên nói là vô ký, nghĩa là vô phú vô ký thâm nhiếp.

Hỏi: Trong bốn loại vô ký như dị thực sinh... Thì tánh này do loại nào thâm nhiếp?

Đáp: Không phải là do bốn loại thâm nhiếp, mà chỉ là đẳng lưu của vô phú vô ký.

Hỏi: Vì sao tánh này không phải là hữu phú vô ký?

Đáp: Bởi vì không phải là lúc lìa nhiễm thì xả bỏ tánh này.

Hỏi: Vì sao tánh dị sinh không phải là thiện?

Đáp: Bởi vì pháp thiện hoặc nhờ gia hạnh mà đạt được, hoặc nhờ vào những duyên khác mà đạt được, không có ai thực hiện gia hạnh mà cầu làm Đẳng cả. Vả lại, lúc đoạn mất thiện thì pháp thiện đều xả bỏ, đạt được tánh không thành tựu của các pháp thiện. Nếu tánh dị sinh là tánh thiện, thì người đoạn mất căn thiện, đứng ra không phải là dị sinh. Không phải là cứ như ngôn ngữ thì nghĩa ấy sẽ thành lập, vì vậy lại hỏi - đáp để hiển bày những vấn đề như không phải là thiện...

Trong này, có người nói: Pháp thiện hoặc nhờ gia hạnh mà đạt được, là hiển bày do gia hạnh mà phát khởi những pháp thiện, hoặc nhờ vào những duyên khác mà đạt được, là hiển bày do lúc ấy tu các pháp thiện thuộc vị lai. Lại nữa, pháp thiện hoặc nhờ gia hạnh mà đạt được, là hiển bày gia hạnh đạt được, là hiển bày gia hạnh đạt thực hiện; hoặc nhờ vào những duyên khác mà đạt được, là hiển bày lìa nhiễm đạt được thiện. Lại nữa, pháp thiện hoặc nhờ gia hạnh mà đạt được được, là hiển bày thuận phần thắng tiến và thuận phần quyết trạch trong gia

hạnh đạt được thiện; hoặc nhờ vào những duyên khác mà đạt được, là hiển bày thuận phần lui sụt và thuận phần dừng lại trong gia hạnh đạt được thiện.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao trong này không nói đến sinh đắc thiện?

Đáp: Cần phải nói mà không nói đến, thì nên biết rằng nghĩa này có khác. Lại nữa, trong này chỉ nói đến pháp thiện thù thắng khó đạt được, những pháp thiện do sinh đắc dễ đạt được, bởi vì kém cõi cho nên không nói đến. Lại nữa, tánh của các Đẳng đều là sinh đắc, nếu trong này nói đến sinh đắc thiện, thì không khác với điều ấy, cho nên không nói đến. Lại có người nói: Pháp thiện hoặc nhờ gia hạnh mà đạt được, là hiển bày gia hạnh đạt được thiện; hoặc nhờ vào những duyên khác mà đạt được, là hiển bày sinh hoạt đạt được thiện. Lại nữa, pháp thiện hoặc nhờ gia hạnh mà đạt được, là hiển bày những pháp thiện đã đạt được lúc thắng tiến; hoặc nhờ vào duyên khác mà đạt được, là hiển bày những pháp thiện đã đạt được lúc lui sụt...

Trong này nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có pháp thiện do gia hạnh mà đạt được chứ không phải là do duyên khác, như Noãn, Đảnh, Nhẫn, Thế đệ nhất pháp, kiến đạo hiện quán biên, thế tục trì, đạo loại trì, bất động tâm giải thoát, vô tranh, nguyện trì, biên tế định...

2. Hoặc có pháp thiện do duyên khác mà đạt được chứ không phải là do gia hạnh, như sinh đắc thiện.

3. Hoặc có pháp thiện do gia hạnh mà đạt được và cũng do duyên khác, như bốn quả Samôn, Tĩnh lực, Vô sắc, Vô lượng, giải thoát. Thắng xứ, biến xứ...

4. Hoặc có pháp thiện không phải là do gia hạnh mà đạt được, cũng không phải là do duyên khác mà đạt được, thì điều này không xảy ra.

Không có ai thực hiện gia hạnh mà cầu làm dị sinh, là hiển bày tánh dị sinh không phải là gia hạnh đạt được thiện, nghĩa là chắc chắn không có ai trước không phải là dị sinh, sau lại mong cầu chứng được địa vị hèn mọn ấy, mà bởi vì từ vô thủy đến nay đều là dị sinh. Vả lại, lúc đoạn mất thiện thì pháp thiện đều xả bỏ..., là hiển bày tánh dị sinh không phải là sinh đắc thiện, nghĩa là lúc đoạn mất thiện thì đoạn mất thiện do sinh đắc chứ không phải là thiện do gia hạnh. Nếu đoạn mất căn thiện mà không phải là dị sinh, thì thật là trái với chánh lý, bởi vì hạng ấy vô cùng hung ác, đường gây ra sai lầm đã nói như vậy! Do

đó, tánh dị sinh quyết định không phải là thiện.

Hỏi: Vì sao Tánh dị sinh không phải là bất thiện?

Đáp: Lúc lìa nhiễm dục thì bất thiện đều xả bỏ, đạt được tánh không thành tựu của bất thiện. Nếu tánh dị sinh là bất thiện, thì các dị sinh lìa nhiễm dục đúng ra không phải là dị sinh. Nếu không phải là dị sinh thì loại ấy về sau không cần phải sinh trở lại cõi dục, bởi vì bậc thánh lìa nhiễm dục thì chắc chắn không còn thọ sinh ở cõi dục. Và lại, nếu như vậy thì cõi sắc, vô sắc sẽ không có dị sinh, thì đã phát sinh sai lầm hết sức. Do đó, tánh dị sinh chắc chắn không phải là bất thiện, mà tánh dị sinh chỉ là vô phú vô ký.

Hỏi: Tánh dị sinh này nên nói là hệ thuộc cõi dục, hệ thuộc cõi sắc hay là hệ thuộc cõi vô sắc.

Đáp: nên nói hoặc hệ thuộc cõi dục, hoặc hệ thuộc cõi sắc, hoặc hệ thuộc cõi vô sắc. Không phải là cứ như ngôn ngữ thì nghĩa ấy sẽ thành lập, vì vậy cần phải hỏi đáp để tiếp tục hiển bày về nghĩa này.

Hỏi: Vì sao tánh dị sinh không phải là chỉ hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Bởi vì lúc mất ở cõi dục sinh đến cõi vô sắc thì pháp của cõi dục để xả bỏ, đạt được tánh không thành tựu đối với pháp của cõi dục. Nếu tánh dị sinh chỉ hệ thuộc cõi dục, thì các dị sinh ở cõi dục mất đi rồi sinh đến cõi vô sắc, đúng ra không phải là dị sinh. Nếu không phải là dị sinh, thì đúng ra sinh đến cõi ấy sẽ không còn lui sụt, bởi vì Thánh giả sinh đến cõi trên thì chắc chắn không còn lui sụt mà thọ sinh ở địa dưới. Tuy mất ở cõi dục đến cõi sắc thì cũng xả bỏ pháp của cõi dục, mà không phải là hoàn toàn xả bỏ, bởi vì lúc ấy vẫn còn thành tựu những tâm biến hóa của cõi dục, vì vậy chỉ nói là sinh đến cõi vô sắc.

Hỏi: Vì sao tánh dị sinh không phải là chỉ hệ thuộc cõi sắc?

Đáp: Bởi vì lúc mất ở cõi sắc sinh đến cõi vô sắc thì pháp của cõi sắc đều xả bỏ, đạt được tánh không thành tựu đối với pháp của cõi sắc. Nếu tánh dị sinh chỉ hệ thuộc cõi sắc, thì các dị sinh cõi sắc mất đi rồi sinh đến cõi vô sắc, đúng ra không phải là dị sinh. Nếu không phải là dị sinh thì mãnh Hình thành Tử... không cần phải sinh xuống cõi dưới, bởi vì bậc thánh thì không như vậy. Tuy mất ở cõi sắc sinh vào cõi dục thì cũng xả bỏ pháp của cõi sắc, mà không phải là hoàn toàn xả bỏ, bởi vì lúc ấy vẫn còn thành tựu những pháp như phiền não... của cõi sắc, vì vậy chỉ nói là sinh đến cõi vô sắc.

Hỏi: Vì sao tánh dị sinh không phải là chỉ hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Bởi vì lúc mất ở cõi dục sinh đến cõi vô sắc thì pháp của cõi dục đều xả bỏ, đạt được tánh không thành tựu đối với pháp của cõi dục.

Nếu tánh dị sinh chỉ hệ thuộc cõi sắc, thì các dị sinh cõi sắc mất đi rồi sinh đến cõi vô sắc, đúng ra không phải là dị sinh. Nếu không phải là dị sinh thì mãnh Hình thành tử... Không cần phải sinh xuống cõi dưới, bởi vì bậc thánh thì không như vậy. Tuy mất ở cõi sắc sinh vào cõi Dục thì cũng xả bỏ pháp của cõi sắc, mà không phải là hoàn toàn xả bỏ, bởi vì lúc ấy vẫn còn thành tựu những pháp như phiền não... của cõi sắc, vì vậy chỉ nói là sinh đến cõi vô sắc.

Hỏi: Vì sao tánh dị sinh không phải là chỉ hệ thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Bởi vì tiến vào chánh tánh hy sinh, trước phải hiện quán về khổ của cõi dục, sau mới hợp hiện quán về khổ của cõi sắc; Thánh đạo phát khởi, trước là hoàn thành của cõi dục, sau mới kết hợp hoàn thành việc làm của cõi sắc, vô sắc. Vì vậy, tánh dị sinh không phải là chỉ hệ thuộc cõi vô sắc, pháp thuận theo như vậy, nếu thành tựu tánh dị sinh của địa này, thì chắc trước phải hiện quán về khổ đế của địa này và Thánh đạo phát khởi, trước phải là đối trị tánh dị sinh, cho nên đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì tánh dị sinh đúng ra chỉ hệ thuộc cõi dục?

Đáp: Chỉ hệ thuộc cõi Dục thì có sai lầm trước đây, cho nên tánh này cần phải nói là hệ thuộc chung cả ba cõi.

Hỏi: Tánh dị sinh này nên nói là do kiến mà đoạn, hay là do tu mà đoạn?

Đáp? Nên nói là do tu mà đoạn. Không phải là cứ như ngôn ngữ thì nghĩa ấy sẽ thành lập, vì vậy cần phải hỏi, đáp để tiếp tục hiển bày về nghĩa này.

Hỏi: Vì sao tánh dị sinh không phải là do kiến mà đoạn?

Đáp: Bởi vì pháp do kiến mà đoạn đều là nhiễm ô, mà tánh dị sinh thì không nhiễm ô. Các pháp nhiễm ô tùy theo bộ tùy theo phẩm dần dần đoạn trừ có thể không thành tựu, các tánh dị sinh thì khổ pháp trí nhãn nhanh chóng xả bỏ ngay nên lúc, tùy theo năng lực của đạo vô gián thứ chín ở mỗi địa nhanh chóng đoạn trừ trong nên lúc, cho nên không phải là nhiễm ô. Vả lại, Thế đệ nhất pháp đang diệt, khổ pháp trí nhãn đang sinh, lúc bấy giờ xả bỏ tánh dị sinh của ba cõi, đạt được tánh không thành tựu ở lúc ấy, chứ không phải là pháp do kiến mà đoạn vào lúc bấy giờ lại có xả bỏ. Nếu tánh dị sinh là do kiến mà đoạn, đúng ra trong phần vị này chưa xả bỏ tánh ấy, thì lúc người vốn có ràng buộc trú trong khổ pháp trí nhãn, phải thành tựu tánh dị sinh, bởi vì là Thánh cũng gọi là dị sinh, thì trở thành tạp loạn. Do đó, tánh dị sinh không phải là do kiến mà đoạn.

Hỏi: Lúc bấy giờ chỉ cần xả bỏ tánh dị sinh của cõi dục, bởi vì tánh dị sinh của hai cõi trên từ trước đã không thành tựu, làm sao lại nói xả bỏ cả ba cõi?

Đáp: Nên nói là lúc bấy giờ xả bỏ tánh dị sinh tùy theo nên trong ba cõi, đạt được tánh không thành tựu ở cõi ấy, nhưng mà nói xả bỏ tánh dị sinh của ba cõi, là vì làm tròn ba số cho nên đưa ra cách nói như vậy. Nghĩa là tánh dị sinh của hai cõi trên từ trước đã không thành tựu, nay lại xả bỏ tánh dị sinh của cõi dục, thì ba số liền tròn đầy cho nên đưa ra cách nói như vậy. Có người nói: Tánh dị sinh của hai cõi trên tuy từ trước đã không thành tựu, nay lại không thành tựu cho nên cũng là xả bỏ. Vì sao trước đã không thành tựu, nay lại không thành tựu? Đó là bởi vì chuyển biến mà cách xa. Có người nói: Tánh dị sinh của cõi dục có thể giúp đỡ, có thể dẫn dắt tánh dị sinh của hai cõi trên, làm môn, làm gia hạnh cho các cõi ấy, cho nên nếu xả bỏ tánh Đẳng của cõi Dục, thì các tánh dị sinh của cõi sắc, vô sắc, có lẽ đang hiện khởi làm nơi nương tựa yên ổn đầy đủ cho tánh ấy, cho nên nếu lúc xả bỏ tánh dị sinh của cõi dục, thì đoạn mất đường sống của tánh ấy, do đó cũng nói là xả bỏ. Có người nói: Lúc bấy giờ các tánh dị sinh của ba cõi đạt được trạch diệt, cho nên đưa ra cách nói như vậy. Bởi vì lúc bấy giờ nhanh chóng đạt được phi trạch diệt đối với tánh dị sinh của chín địa trong ba cõi.

Dựa vào nghĩa như vậy, cho nên có người hỏi rằng:

Có thể có pháp xả bỏ trong nên lúc đoạn theo chín lúc chẳng?

Đáp: Có đó là tánh dị sinh, xả bỏ trong nên lúc đó là lúc khổ pháp trí nhãn sinh khởi; đoạn theo chín lúc đạo vô gián thứ chín hiện khởi.

Hỏi: Có thể có lúc đã đạt được trạch diệt mà chưa đạt được phi trạch diệt đối với tính dị sinh chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có lúc đối với tánh dị sinh, đã đạt được trạch diệt mà chưa đạt được phi trạch diệt, đó là các dị sinh đã lìa nhiễm của cõi dục cho đến lìa nhiễm của vô sở hữu xứ.

2. Hoặc có lúc đối với tánh dị sinh, đã đạt được phi trạch diệt mà chưa đạt được trạch diệt, đó là các thánh giả chưa lìa nhiễm của cõi dục.

3. Hoặc có lúc đối với tánh dị sinh, đã đạt được trạch diệt, đó là các Thánh giả đã lìa nhiễm của cõi dục cho đến lìa nhiễm của phi tưởng phi tưởng xứ.

4. Hoặc có lúc đối với tánh dị sinh, chưa đạt được trạch diệt và phi trạch diệt, đó là các dị sinh chưa lìa nhiễm của cõi dục.

Hỏi: Có thể có tánh dị sinh chưa đoạn mà không thành tựu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Hoặc có tánh dị sinh chưa đoạn mà không thành tựu, đó là các dị sinh ở cõi dục chưa lìa nhiễm của tĩnh lạ thứ nhất, tánh dị sinh của tám địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu; đã lìa nhiễm của tĩnh lạ thứ nhất, chưa lìa nhiễm của tĩnh lạ thứ hai, tánh dị sinh của bảy địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu; cho đến đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, tánh dị sinh của nên địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu. Nếu sinh ở tĩnh lự thứ nhất chưa lìa nhiễm của tĩnh lự thứ hai, thì tánh dị sinh của bảy địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu; đã lìa nhiễm của tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của tĩnh lự thứ ba, tánh dị sinh của sáu địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu; cho đến đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, tánh dị sinh của nên địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu. Nếu sinh ở Tĩnh lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của tĩnh lự thứ hai, thì tánh dị sinh của bảy địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu, đã lìa nhiễm của tĩnh lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của tĩnh lự thứ ba, tánh dị sinh của sáu địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu, cho đến đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, tánh dị sinh của nên địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu. Cho đến nếu sinh ở vô sở hữu xứ, thì tánh dị sinh của nên địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu. Nếu các thánh giả chưa lìa nhiễm của cõi dục, thì tánh dị sinh của chín địa ấy chưa đoạn mà không thành tựu; đã lìa nhiễm của cõi dục, chưa lìa nhiễm của tĩnh lự thứ nhất, tánh dị sinh của tám địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu; cho đến lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, chưa lìa nhiễm của phi thường phi phi thường xứ, tánh dị sinh của nên địa trên kia chưa đoạn mà không thành tựu.

2. Hoặc có tánh dị sinh thành tựu mà không phải là chưa đoạn, đó là các dị sinh sinh ở cõi dục đã lìa nhiễm của cõi dục, tánh dị sinh của cõi dục kia thành tựu mà không phải là chưa đoạn; cho đến sinh ở vô sở hữu xứ đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, tánh dị sinh của vô sở hữu xứ kia thành tựu mà không phải là chưa đoạn.

3. Hoặc có tánh dị sinh chưa đoạn cũng thành tựu, đó là các dị sinh chưa lìa nhiễm của cõi Dục, tánh dị sinh của cõi Dục kia chưa đoạn cũng thành tựu; cho đến sinh ở vô sở hữu xứ chưa lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, tánh dị sinh của vô sở hữu xứ kia chưa đoạn cũng thành tựu. Nếu sinh ở phi tướng phi phi tướng xứ, thì tánh dị sinh của phi tướng phi phi tướng

xứ kia chưa đoạn cũng thành tựu.

4. Hoặc có tánh dị sinh không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu, đó là các dị sinh ở cõi dục đã lìa nhiễm của tính lự thứ nhất kia không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu; cho đến đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu. Nếu sinh ở tính lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của tính lự thứ hai, thì tánh dị sinh của cõi dục kia không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu, đã lìa nhiễm của tính lự thứ hai, chưa lìa nhiễm của tính lự thứ ba, tánh dị sinh của cõi dục và tính lự thứ hai kia không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu. Cho đến đã lìa nhiễm của vô sở hữu xứ, tánh dị sinh của cõi dục và tính lự thứ hai kia cho đến tánh dị sinh của vô sở hữu xứ không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu. Cho đến nếu sinh ở phi tưởng phi phi tưởng xứ thì tánh dị sinh của cõi dục kia cho đến tánh dị sinh của vô sở hữu xứ không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu. Nếu các thánh giả đã lìa nhiễm của cõi dục, chưa lìa nhiễm của tính lự thứ nhất, thì tánh dị sinh của cõi dục kia không phải là chưa đoạn cũng không phải là chưa thành tựu; đã lìa nhiễm của tính lự thứ nhất, chưa lìa nhiễm của tính lự thứ hai, tánh dị sinh của cõi dục và tính lự thứ nhất kia không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu; cho đến đã lìa nhiễm của phi tưởng phi phi tưởng xứ, tánh dị sinh của chín địa trong ba cõi kia không phải là chưa đoạn cũng không phải là thành tựu.

Hỏi: Có thể có tánh dị sinh đã đoạn mà thành tựu chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt, nghĩa là câu thứ hai trước đây làm thành câu thứ nhất ở phần này, câu thứ nhất trước đây làm thành câu thứ hai ở phần này, câu thứ tư trước đây làm thành câu thứ ba ở phần này, câu thứ ba trước đây làm thành câu thứ tư ở phần này, theo đúng những gì trước đây đã nói thì nên biết về hướng của nó.

Hỏi: Tánh dị sinh nói đến pháp nào?

Đáp: Tâm bất tương ưng hành không nhiễm ô trong ba cõi.

Hỏi: Vì sao lại soạn ra phần luận này?

Đáp: Vì muốn làm cho người nghi ngờ có được quyết định rõ ràng. Nghĩa là trước đây nói không đạt được pháp thánh thì gọi là tánh dị sinh. Hoặc có người sinh nghi: Không đạt được pháp thánh thì thể không phải là thật có, như tài sản chưa có được. Muốn làm cho mối nghi này được quyết định, cho nên hiển bày tánh dị sinh là pháp thật có và do hành uẩn thấu nhiếp, vì vậy soạn ra phần luận này.

Có người đưa ra cách nói như vậy: Trước đây tuy đã hiển bày về

hướng của tánh dị sinh mà chưa biện giải về thể, nay cần phải nói đến điều đó, cho nên soạn ra phần luận này. Có sự khác nói: Trước đây tuy đã hiển bày về thể của tánh dị sinh mà chưa phân bố rõ về hướng của nó, nay cần phải nói đến điều đó, cho nên soạn ra phần luận này. Hoặc có người nói: Trước đây hiển bày về pháp đối trị của tánh dị sinh, nay cần phải nói về thể tánh dị sinh, cho nên soạn ra phần luận này. Nói ba cõi, là ngăn chặn cái chấp về tánh dị sinh là tâm sở pháp, hành là ngăn chặn cái chấp về tánh dị sinh không phải là pháp thật có, bởi vì pháp giả tam thì lý không phải là hành uẩn thân nhiếp. Đây chính là ngăn chặn cái chấp kỳ dị để hiển bày về thể của tánh dị sinh.

Tôn giả Diệu Âm nói: “Tánh dị sinh tức là chúng đồng phần, như các chúng đồng phần của trâu, dê..., thì gọi là tánh của trâu, dê... như vậy thể của chúng đồng phần dị sinh, gọi là tánh dị sinh. “Có sự khác nói: Có nên pháp riêng biệt là không nhiễm ô, do tâm bất tương ưng hành uẩn thân nhiếp, như mạng căn... gọi là tánh dị sinh. Vì ngăn chặn cái chấp ấy mà trước đây nói đánh dị sinh gọi là không đạt được đạt pháp thánh. Không đạt được tức là tánh không thành tựu...”

Hỏi: Vì sao không thừa nhận tức là chúng đồng phần dị sinh, và có pháp riêng biệt gọi là tánh dị sinh, mà thừa nhận tánh không thành tựu của pháp Thánh gọi là tánh dị sinh?

Đáp: Bởi vì chúng đồng phần dị sinh, không phải là tự nó trái với pháp Thánh; bởi vì có nên pháp riêng biệt không thể biết được, không giống như tánh không thành tựu của pháp Thánh; tự nó trái với pháp Thánh, có tướng có thể biết được, gọi là tánh dị sinh, theo lý dễ dàng thành lập.

Các pháp tương ưng với tà kiến, thì pháp ấy tương ưng với tà tư duy chăng?

Hỏi: Vì sao sau tánh dị sinh lại nói đến chi tà?

Đáp: Bởi vì hai loại này lần lượt chuyển đổi giúp đỡ lẫn nhau, nghĩa là tánh dị sinh giúp đỡ chi tà, chi tà này lại có năng lực giúp đỡ tánh dị sinh. Lại nữa, hành giả chán ngán tánh dị sinh và tám chi tà, mà tu thánh đạo, cho nên sau tánh dị sinh lại phân biệt về chi tà.

Hỏi: Các pháp tương ưng với tà kiến, thì pháp ấy tương ưng với tư duy chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, tà kiến có ở tất cả các địa, chứ không phải là tất cả các tâm nhiễm ô, bởi vì trong các tụ như hữu thân kiến ... không có; tà tư duy có ở tất cả tâm nhiễm ô, chứ không phải là tất cả các địa, bởi vì từ tính lự trung gian trở lên không có.

Vì vậy hướng về nhau làm thành bốn câu phân biệt lớn:

1. Có pháp tương ứng với tà kiến chứ không phải là tư duy, nghĩa là tà kiến tương ứng với tà tư duy, và tà tư duy khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà kiến. Trong này, tà kiến tương ứng với tà tư duy, nghĩa là tà kiến cùng với tầm tà kiến. Trong này, tà kiến tương ứng với tà tư duy, nghĩa là tà kiến cùng với tầm của cõi dục, vị chí định, tinh lự thứ nhất, nó chỉ tương ứng với kiến chứ không phải là tư duy. Tự tánh cùng với tự tánh bởi vì ba nhân duyên mà không tương ứng:

a. Không có hai tư duy cùng lúc dấy khởi.

b. Tư duy trước và sau không hòa hợp.

c. Tự tánh của các pháp không tự nó quan sát, nghĩa là đọi pháp khác sinh chứ không đọi tự đánh. Và tà tư duy khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà kiến, nghĩa là pháp tương ứng với tà kiến từ tinh lự trung gian cho đến hữu đẳng, tức là chín pháp Đại phiến não địa, tâm hôn trầm và tứ.

2. Có pháp tương ứng với tà chứ không phải là tà kiến, nghĩa là ta tư duy tương ứng với tà kiến, và tà kiến khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà tư duy. Trong này, tà tư duy tương ứng với tà kiến, nghĩa là tà kiến của cõi Dục. Vị chí định, tinh tự thứ nhất, nó chỉ tương ứng với tà tư duy chứ không phải là tà kiến. Tự tánh cùng với tự tánh không tương ứng bởi vì ba nhân duyên đã nói ở trước. Và tà kiến khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà tư duy, nghĩa là trừ ra tự tà kiến của cõi dục. Vị chí định, tinh tự thứ nhất, chọn lấy pháp tương ứng với tà tư duy trong tự nhiệm ô khác, tức là hữu thân kiến. Biên chấp kiến. Giới cấm thủ, kiến thủ, nghi, tham sân mạn. Bất cộng vô minh. Pháp tương ứng với tà tư duy trong tự tương ứng, nghĩa là mười pháp đại địa..., như lý cần phải biết.

3. Có pháp tương ứng với tà kiến cũng là tà tư duy, nghĩa là trừ ra tà kiến tương ứng với tà tư duy, và trừ ra tà tư duy tương ứng với tà kiến, còn lại các phép tương ứng với kiến tà tư duy, đó là pháp tương ứng với tà kiến, tà tư duy trong tự tà kiến của cõi dục. Vị chí định, tinh lự thứ nhất, tức là chín pháp đại địa, chín pháp Đại phiến não địa, vô tâm, vô quý, hôn trầm, thụy miên, tầm, tứ.

4. Có pháp không phải là tương ứng với tà kiến cũng không phải là tà tư duy, đó là tà kiến không tương ứng với tư duy, tà tư duy không tương ứng với tà kiến, và còn lại các tâm, tâm sở pháp, sắc, vô vi, tâm bất tương hành. Trong này, tà kiến không tương ứng với tà tư duy, nghĩa là trừ ra tự tà kiến của cõi dục. Vị chí định, tinh lự thứ nhất, chọn lấy tà

tư duy trong tụ điểm ô khác, nó đều không tương ứng bởi vì tụ đó không có tà kiến, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh. Tà tư duy không tương ứng với tà kiến, nghĩa là tà kiến của tính lự trung gian cho đủ hữu đánh, nó đều không tương ứng, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh, bởi vì địa ấy không có tư duy. Và còn lại các tâm, tâm sở pháp nhiệm ô khác và tất cả thiện, vô phú vô ký. Sắc, vô tri, tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành; các pháp như vậy đều không tương ứng, bởi vì tụ ấy không có tà kiến, bởi vì địa ấy không có tư duy, bởi vì không nhiệm ô, bởi vì không phải là pháp tương ứng.

Hỏi: Các pháp tương ứng với tà kiến, thì pháp ấy tương ứng với tà tính tiến chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, tà kiến có tất cả các địa, chứ không phải là tất cả các tâm nhiệm ô, tà tính tiến thì tất cả các địa và tất cả các tâm nhiệm ô đều có. Vì vậy hướng về với nhau làm thành bốn câu phân biệt trung bình:

1. Có pháp tương ứng với tà kiến chứ không phải là tính tiến, nghĩa là tà kiến tương ứng với tà tính tiến. Trong này, tà kiến tương ứng với tà tính tiến, nghĩa là giải đại trong tụ tà kiến chỉ tương ứng với tà kiến chứ không phải là tà tính tiến, bởi vì tự tánh và tự tánh không tương ứng với nhau.

2. Có pháp tương ứng với tà tính tiến chứ không phải là tà kiến, nghĩa là tà kiến và tà kiến khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà tính tiến. Trong này, tà kiến nghĩa là các tà kiến tương ứng với tà tính tiến chứ không phải là tà kiến, bởi vì tụ ấy chắc chắn có tà tính tiến, bởi vì tự tánh và tự tánh không tương ứng với nhau. Và tà kiến khác không tương ứng với pháp tương ứng của tà tính tiến, nghĩa là tất cả các địa, trừ ra tà kiến, chọn lấy pháp tương ứng với tà tính tiến trong tụ nhiệm ô khác.

3. Có pháp tương ứng với tà kiến cũng là tính tiến, nghĩa là trừ ra tà kiến tương ứng với tà tính tiến, còn lại các pháp tương ứng với tà kiến. Trong này, trừ ra tà kiến tương ứng với tà tính tiến, là bởi vì thể của tà tính tiến kể ra rất nhiều. Trong này chỉ trừ ra pháp tương ứng với tà kiến, còn lại không có gì quá mức cho nên không phải là pháp loại trừ nơi này. Còn lại các pháp tương ứng với tà kiến, nghĩa là trong tụ tà kiến trừ ra tà tính tiến và thể của tà kiến, chọn lấy tâm, tâm sở pháp khác cùng tương ứng với tà kiến, tức là chín pháp đại địa, tám pháp Đại phiến não địa, vô tầm, vô quý, hôn trầm, thụy miên, tầm, tứ và tâm.

4. Có pháp không phải tương ứng với tà kiến cũng không phải là tà tinh tiến, nghĩa là tà kiến không tương ứng với tà tinh tiến, và các tâm, tâm sở pháp khác, sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành. Trong này, tà kiến không tương ứng với tà tinh tiến, nghĩa là tà tinh tiến tương ứng với hữu thân kiến..., tà kiến đều không tương ứng, bởi vì trong tụ ấy không có tà kiến, bởi vì tự tánh và tự tánh không tương ứng với nhau, và các tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả các tâm, tâm sở pháp diện, vô phú, vô ký, không phải là có nhiễm ô. Sắc vô vi, tâm bất tương ứng hành, nghĩa là tất cả sắc, vô vi, tâm bất tương ứng hành; các pháp như vậy đều không tương ứng, bởi vì không nhiễm ô, bởi vì không phải là pháp tương ứng.

Như dùng tà kiến đối với tà tinh tiến, dùng tà kiến đối với tà niệm, tà định cũng như vậy. Trong này nên làm thành bốn câu phân biệt về hai loại trung bình, tà niệm, tà định giống như tà tinh tiến, bởi vì khắp tất cả các địa, tất cả các tâm nhiễm ô đều có thể có. Như dùng tà kiến đối với tà tinh tiến, tà niệm, tà tịnh, dùng tà tư duy đối với tà tinh tiến, tà niệm, tà tịnh cũng như vậy. Trong này nên làm thành bốn câu phân biệt về ba loại trung bình, bởi vì tà tư duy không bao giờ trùm tất cả các địa, giống như tà kiến không bao giờ tất cả các tâm nhiễm ô.

Hỏi: Các pháp tương ứng với tà tinh tiến, thì pháp ấy tương ứng với tà niệm chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt. Trong này, hai pháp đều có khắp tất cả các địa.

1. Có pháp tương ứng với tà tinh tiến chứ không phải là tà niệm, nghĩa là tà niệm, bởi vì luôn luôn cùng có, bởi vì tánh không tương ứng với tự tánh.

2. Có pháp tương ứng với tà niệm chứ không phải là tà tinh tiến, nghĩa là tà tinh tiến. Trong này, tà tinh tiến chắc chắn tương ứng với tà niệm chứ không phải là tà tinh tiến, bởi vì luôn luôn cùng có, bởi vì tự tánh không tương ứng với tự tánh.

3. Có pháp tương ứng với tà tinh tiến cũng là tà niệm, nghĩa là pháp tương ứng với tà tinh tiến và tà niệm. Trong này, trừ ra thể của tà tinh tiến và tà niệm, chọn lấy tâm, tâm sở pháp nhiễm ô khác, tức là chín pháp đại địa, tám pháp Đại phiến não địa, mười pháp tiểu phiến não địa, vô tầm, vô quý, tham-sân-mạn-nghi, hôn trầm, thụy miên, ác tác, hối, tầm, tứ và tâm. Các pháp như vậy đều là pháp nhiễm ô, hai loại đều tương ứng bởi vì luôn luôn cùng có.

4. Có pháp không phải là tương ứng với tà tinh tiến cũng không phải là tà niệm, nghĩa là các tâm, tâm sở pháp khác, sắc, vô vi, tâm bất

tương ứng hành. Trong này, các tâm, tâm sở pháp khác, nghĩa là tất cả tâm, tâm sở pháp thiện, vô phú, vô ký, không phải là có nhiễm ô. Còn lại như trước đã nói.

Như dùng tà tinh tiến đối với tà niệm, dùng tà tinh tiến đối với tà định cũng như vậy. Như dùng tà tinh đối với tà niệm, tà định, dùng tà niệm đối với tà định cũng như vậy. Trong này nên làm thành bốn câu phân biệt về hai loại nhỏ, bởi vì đều có khắp tất cả các địa, khắp tất cả các tâm nhiễm ô. Trong này không nói đến ba loại như tà ngữ..., bởi vì không phải là pháp tương ứng.

Hỏi: Tám chi tà này, mấy chi hệ thuộc cõi Dục, mấy chi hệ thuộc cõi Sắc, mấy Chi thuộc cõi vô sắc?

Đáp: Tà kiến, tà tinh tiến, tà niệm, tà định đều hệ thuộc cả ba cõi, tà tư duy, tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng chỉ hệ thuộc cõi dục, cõi sắc trong cõi sắc chỉ có tính lự thứ nhất, bởi vì địa trên không có. Có người nói: Cõi sắc cũng không có tà mạng, bởi vì cõi ấy không đầy khởi thân nghiệp, ngữ nghiệp vì mạng sống.

Lời bình: Trong này, cách nói trước là thích hợp, bởi vì do tham kia mà khởi lên hai nghiệp thân, ngữ, cho nên gọi là tà mạng.

Hỏi: Tám chi tà này, mấy chi do kiến mà đoạn, mấy chi do tu mà đoạn?

Đáp: Nên cho do kiến mà đoạn, đó là tà kiến, ba chi do tu mà đoạn, đó là tà ngữ, tà nghiệp và tà mạng, bốn cho còn lại gồm cả do kiến, tu mà đoạn.

Hỏi: Trong chương tạp uẩn này, tại sao trước thì nói về pháp thanh tịnh, sau lại nói đến pháp tạp nhiễm?

Đáp: Bởi vì muốn biểu hiện rõ ràng về quả sĩ dụng của Thế đệ nhất pháp. Nghĩa là Thế đệ nhất pháp có năng lực dẫn dắt kiến đạo, vĩnh viễn đoạn trừ tà kiến, chính là quả sĩ dụng của Thế đệ nhất pháp. Thanh tịnh tức là Thế đệ nhất pháp..., tạp nhiễm chính là tám chi như tà kiến...

